

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa năm 2018

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin số 86/2015/QH13 ngày 11/9/2015;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày 09/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 các bộ, ngành, địa phương triển khai năm 2017;
- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;
- Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Kế hoạch số 7310/KH-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của các cấp lãnh đạo; tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4, kịp thời phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Duy trì hoạt động ổn định các hệ thống thông tin sẵn có, kết hợp đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, nhân lực,... tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- 100% các cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 30% tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh trên tổng số hồ sơ được tiếp nhận và giải quyết thuộc các thủ tục hành chính được công bố thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 15%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 05%.

- Tiếp tục duy trì trên 99% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; trên 99% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

- 30% số lượng các gói thầu có hình thức chào hàng cạnh tranh, gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên phạm vi toàn tỉnh được thực hiện đấu thầu qua mạng.

b) Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước:

- Trên 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử.

- 100% hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật và quản lý hoàn toàn trên phần mềm.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực được duy trì, nâng cấp mở rộng hoặc phát triển mới theo kế hoạch nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng trong các cơ quan quản lý chuyên môn.

- 100% cơ sở dữ liệu về hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương được số hóa theo kế hoạch, tổ chức sử dụng có hiệu quả, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý và chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền.

- 100% hoạt động nâng cấp hoặc đầu tư mới đối với các hệ thống thông tin dùng chung, phần mềm ứng dụng chuyên ngành, lĩnh vực theo kế hoạch, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ, đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh đã được phê duyệt.

- 100% cán bộ chuyên trách về CNTT của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế.

c) Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu:

- Nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT của Trung tâm dữ liệu tỉnh và cơ quan nhà nước các cấp theo lộ trình được xác định tại Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh nhằm phục vụ hoạt động ổn định các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

- Hoàn thành triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của tỉnh theo kế hoạch, đưa vào sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh theo kiến trúc được phê duyệt.

- Xây dựng Đề án thí điểm thành phố Nha Trang theo mô hình thành phố thông minh.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Tổ chức rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cơ quan mặt trận, tổ chức, đoàn thể, UBND cấp huyện và UBND của một số xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ; triển khai duy trì, nâng cấp và thực thi công tác an toàn thông tin cho các cổng/trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Xây dựng và đưa vào vận hành thử nghiệm Cổng thông tin điện tử Dịch vụ hành chính công trực tuyến, làm đầu mối tập trung, thống nhất cung cấp các loại dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư.

c) Ứng dụng chức năng thanh toán trực tuyến phục vụ triển khai dịch vụ công mức độ 4; triển khai thử nghiệm ứng dụng quản lý thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính cho toàn tỉnh (được tích hợp trên Cổng thông tin điện tử Dịch vụ hành chính công trực tuyến); mở rộng

danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công; duy trì hoạt động ổn định hệ thống cung cấp dịch vụ tin nhắn tự động thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân.

d) Tiếp tục tổ chức duy trì, khai thác sử dụng phần mềm Kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan quản lý chuyên môn cấp tỉnh và UBND cấp huyện, đồng thời tăng cường kênh giám sát của tổ chức, công dân đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, địa phương.

đ) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng “biểu mẫu điện tử”, “hồ sơ điện tử” để nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng khi đăng ký thực hiện thủ tục hành chính hành chính mức độ 3, 4; thống nhất áp dụng mô hình giải quyết thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan, địa phương. Đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, đảm bảo đạt chỉ tiêu đề ra.

e) Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng nội dung Chương trình truyền thông Chính phủ điện tử IT TODAY tỉnh Khánh Hòa; duy trì có hiệu quả hiệu quả hoạt động Chương trình Máy tính cho cuộc sống tỉnh Khánh Hòa và tổ chức các sự kiện ICT hàng năm.

g) Tiếp tục tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 – 2020 và các đề án, dự án liên quan đến thương mại điện tử.

h) Tiếp tục duy trì bền vững và phát huy hiệu quả hoạt động tại các điểm thư viện, bưu điện văn hóa xã đã tiếp nhận Dự án Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy nhập Internet công cộng tại Việt Nam; triển khai các giải pháp tăng cường khả năng cung cấp thông tin số cho người dân, đặc biệt là việc cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

i) Đẩy mạnh việc tổ chức đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu có hình thức chào hàng cạnh tranh, gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

a) Tiếp tục tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung tại các cơ quan, địa phương.

b) Nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung theo hướng kết nối liên thông và chia sẻ cơ sở dữ liệu với các hệ thống thông tin chuyên ngành.

c) Tiếp tục rà soát, đánh giá và bổ sung hoàn thiện chức năng các phần mềm trong các hệ thống thông tin dùng chung trên cơ sở ý kiến phản ánh từ kết quả sử dụng thực tế tại các các cơ quan, địa phương; kết hợp nghiên cứu, triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cấp các phần mềm ngày càng hoàn thiện, tạo sự thuận lợi trong thao tác, xử lý.

d) Tiếp tục phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp sử dụng chứng thư số chuyên dùng theo lộ trình để đảm bảo việc trao đổi, lưu trữ và xử lý văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước.

đ) Xây dựng và vận hành thử nghiệm phần mềm Một cửa điện tử (giải pháp kiến trúc mới) đáp ứng khả năng tích hợp các phân hệ cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người dùng, khách hàng; đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các phần mềm nghiệp vụ tích hợp với phần mềm Một cửa điện tử.

h) Hoàn thiện, triển khai sử dụng phần mềm Đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa.

g) Duy trì, nâng cấp, mở rộng các phần mềm ứng dụng phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực để bảo đảm công tác quản lý của cơ quan chuyên môn. Tổ chức triển khai kế hoạch trang bị phần mềm nghiệp vụ phục vụ quản lý, xử lý công việc chuyên môn trên tất cả các lĩnh vực, đáp ứng lộ trình xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

h) Tổ chức triển khai thực hiện tốt các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT chuyển tiếp, các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT mới: Đề án thành lập Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa, Đề án thí điểm thành phố Nha Trang theo mô hình thành phố thông minh, dự án Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng – kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa,...

3. Hạ tầng kỹ thuật

a) Duy trì tổ chức quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, hệ thống mạng diện rộng của tỉnh và kết hợp thực thi các chính sách liên quan đảm bảo các hệ thống thông tin dùng chung đang triển khai trong các cơ quan nhà nước hoạt động ổn định, liên tục, thông suốt, an toàn, an ninh thông tin.

b) Tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cho Trung tâm dữ liệu tỉnh theo lộ trình triển khai tại các đề án, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; nâng cấp, bổ sung hạ tầng, trang thiết bị CNTT cần thiết phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng tại các cơ quan, địa phương.

c) Phối hợp với các cơ quan, địa phương rà soát, đánh giá và đề xuất triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước tại các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

4. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

a) Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức triển khai, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Phổ biến và triển khai kịp thời các hướng dẫn thực thi công tác an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan Trung ương. Tổ chức quán triệt việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ ở các bộ phận quan trọng, cơ mật.

d) Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Đội Ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ chuyên trách CNTT nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin.

đ) Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng công an, quân đội, cơ yếu, thông tin và truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

e) Duy trì áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 tại Trung tâm dữ liệu tỉnh; triển khai nhân rộng mô hình quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh. Đưa nội dung thực hiện chính sách đảm bảo an toàn thông tin vào trong các hoạt động xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin mới.

g) Các cơ quan, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ của đơn vị. Tổ chức đánh giá hệ thống thông tin nội bộ ít nhất 01 lần/năm. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng nội bộ, máy tính tại cơ quan, đơn vị; kịp thời ngăn chặn, phòng chống và khắc phục các cuộc tấn công vào hệ thống.

h) Các cơ quan nhà nước thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng. Kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng. Các thiết bị, phần mềm do tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng hoặc tài trợ phải được kiểm định an toàn trước khi sử dụng.

i) Sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) hoặc hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai sử dụng tại địa phương; tuyệt đối không được sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng để phục vụ công tác nhà nước.

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

a) Ưu tiên xét tuyển và bố trí công việc ổn định đối với trường hợp người lao động có trình độ chuyên môn cao về CNTT; xem xét, tuyển cử cán bộ, công chức trong cơ quan chuyên trách về CNTT tham gia thi tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ CNTT và viên chức.

b) Tổ chức kiện toàn nguồn nhân lực có trình độ CNTT tại các cơ quan, đơn vị, bộ phận chuyên trách về CNTT, như: Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm Công

Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện,...

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn, an ninh thông tin,...

d) Duy trì tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước nhằm tạo thuận lợi cho thao tác, xử lý, tăng hiệu quả lao động.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về môi trường chính sách

a) Hoàn thiện hệ thống pháp lý của tỉnh về CNTT, xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi triển khai Chính quyền điện tử tại địa phương.

b) Xây dựng cơ chế ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực CNTT có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu công việc về công tác trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

c) Hoàn thiện các quy chế, quy định về sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung; quy định về an toàn thông tin, sử dụng chữ ký số; chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước; chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng.

d) Tạo điều kiện, thu hút các công ty, doanh nghiệp tham gia các hoạt động thúc đẩy ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, trong đó đặc biệt là hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao về CNTT và cung cấp các dịch vụ thuộc Danh mục các dịch vụ CNTT ưu tiên thuê dịch vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

a) Xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung thuộc Chương trình phối hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ về thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính giai đoạn 2017 – 2020.

b) Thực hiện chuẩn hóa quy trình, thủ tục hành chính; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan.

c) Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại ứng dụng CNTT; bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng cải cách hành chính (tiêu chí lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính) bảo đảm phù hợp với tình hình triển khai thực tế của địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra ứng dụng CNTT tại các cơ quan, địa phương lồng ghép trong các đợt kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh.

d) Đầu tư kinh phí, tổ chức triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng đã đạt giải tại cuộc thi Mô hình, sáng kiến cải cách hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trẻ năm 2017.

3. Giải pháp tổ chức

a) Phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo Ứng dụng CNTT của tỉnh, đặc biệt là công tác tham mưu các cơ chế, chính sách, các phương án, giải pháp phát triển ứng dụng CNTT mang tính chiến lược, lâu dài và bền vững; công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai các chương trình, đề án, dự án ứng dụng CNTT quan trọng của địa phương.

b) Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về CNTT ở các cấp; đặc biệt ở cấp huyện phải đảm bảo về số lượng và cơ cấu trình độ cán bộ công chức để đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà nước và cải cách hành chính tại cấp huyện, cấp xã.

c) Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT phục vụ việc triển khai, quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

d) Kết hợp chặt chẽ ứng dụng CNTT với công tác quản lý, điều hành của lãnh đạo các cấp và hoạt động cải cách hành chính tại cơ quan, địa phương; gắn việc đánh giá hiệu quả công tác quản lý, công tác cải cách hành chính với hiệu quả triển khai các ứng dụng CNTT tại cơ quan, địa phương.

4. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

a) Các hệ thống thông tin thường xuyên được bảo trì, nâng cấp để đảm bảo sử dụng ổn định, hiệu quả trong các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh; việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật CNTT phải bảo đảm phù hợp với các yêu cầu thiết yếu để phục vụ cài đặt, vận hành ổn định các hệ thống thông tin.

b) Phát triển các hệ thống thông tin mới gắn liền với thực thi các giải pháp đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của quốc gia; trong đó phải đáp ứng yêu cầu kế thừa, kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin đã có và khả năng trao đổi, chia sẻ tài nguyên thông tin.

5. Các giải pháp khác

a) Các hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT được thông qua phải đảm bảo xem xét về sự đồng bộ các điều kiện: con người, chính sách pháp lý, tài chính, giải pháp công nghệ, mục tiêu và hiệu quả sử dụng, phải phù hợp Kiến trúc Chính quyền điện tử tại địa phương.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan, địa phương; gắn ứng dụng CNTT với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng của đơn vị và thủ trưởng cơ quan.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 của các cơ quan, địa phương.

d) Đổi mới công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò và hiệu quả của việc ứng dụng CNTT cho các lực lượng xã hội; khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia các hoạt động cung cấp, trao đổi thông tin qua mạng, đặc biệt là sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, nhằm giảm chi phí và thời gian, từng bước nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống.

e) Tăng cường hợp tác với các tỉnh bạn để học tập kinh nghiệm về việc ứng dụng CNTT phục vụ các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách địa phương đảm bảo cho các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước năm 2018, được cân đối phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên hợp lý để duy trì hoạt động ổn định các hệ thống thông tin đã được đầu tư.

2. Các nguồn vốn cấp cho hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT trong năm 2018, dự kiến:

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển: Đầu tư các dự án về phát triển các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, bao gồm: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phát triển phần mềm ứng dụng và xây dựng cơ sở dữ liệu, thực thi công tác đảm bảo an toàn thông tin, đào tạo quản lý sử dụng, xây dựng các chính sách quản lý, khai thác sử dụng,...

b) Nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ: Triển khai các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu phát triển CNTT; các dự án chuyên giao công nghệ hoặc chuyển giao phần mềm quản lý chuyên ngành, lĩnh vực; các hoạt động ứng dụng CNTT khác, trong đó ưu tiên kinh phí thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử.

c) Nguồn vốn sự nghiệp: Duy trì các hệ thống thông tin đã có (bảo hành, bảo dưỡng), mua sắm bổ sung thiết bị CNTT, mua sắm các phần mềm thương mại; thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin; đào tạo chuyên giao công nghệ; thuê các dịch vụ CNTT; phát triển các hệ thống thông tin có quy mô nhỏ và các nhiệm vụ cải cách hành chính, hiện đại hóa nền hành chính,...

d) Kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, các tổ chức nước ngoài, nguồn vốn xã hội hóa,... cho hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước; trong đó ưu tiên đầu tư các hệ thống thông tin phục vụ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, phục vụ cộng đồng, phục vụ người dân ở các vùng miền còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các dự án/nhiệm vụ ứng dụng CNTT triển khai trong năm 2018 được thể hiện tại Phụ lục II đính kèm.